

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018-2019

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	P. Giáo sư	Tiến sĩ	Th. sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số	338	1	42	164	167	7	0	0	227	68	43
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành SP Toán học, Tin học	43	0	6	23	20	0	0	0	26	11	6
	Ngành SP Vật lí	27	0	3	11	16	0	0	0	21	3	3
	Ngành SP Sinh học	32	1	7	22	8	2	0	0	18	6	8
	Ngành SP Hóa học	28	0	8	19	7	2	0	0	19	1	8
	Ngành SP Lịch sử	21	0	3	12	8	1	0	0	15	3	3
	Ngành SP Địa lý	0	0	4	11	9	0	0	0	14	2	4
	Ngành SP GD chính trị	26	0	0	12	14	0	0	0	16	10	0
	Ngành SP Ngữ văn	36	0	6	20	16	0	0	0	20	10	6
	Ngành SP Giáo dục học, Quản lý GD, Tâm lý học GD	20	0	4	9	11	0	0	0	11	5	4
	Ngành SP GD mầm non	16	0	0	4	12	0	0	0	13	3	0
	Ngành SP GD tiểu học	17	0	0	11	6	0	0	0	10	7	0
	Ngành SP Tiếng anh	19	0	0	5	14	0	0	0	14	5	0
	Ngành SP GD thể chất	21	0	1	5	15	1	0	0	18	2	1
b	Khối ngành II	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngành...	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
c	Khối ngành III	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngành...		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
d	Khối ngành IV	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngành...	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
đ	Khối ngành V	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngành...	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
e	Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngành...	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
g	Khối ngành VI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Ngành...	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	GV cơ hữu môn chung (Bộ môn GD Nghệ thuật)	12	0	0	0	11	1	0	0	12	0	0

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	Ngành Sư phạm Toán học, Tin học					
1	Hà Trần Phương	1971	Nam	PGS, GVCC	TS	Toán học
2	Nguyễn Danh Nam	1982	Nam	PGS, GVCC	TS	Toán học
3	Nguyễn Văn Hoàng	1976	Nam	PGS, GVCC	TS	Toán học
4	Nguyễn Thị Ngân	1969	Nữ	TS, GVC	TS	Toán học
5	Trần Việt Cường	1982	Nam	PGS, GVCC	TS	Toán học
6	Nguyễn Duy Phương	1981	Nam	ThS	ThS	Toán học
7	Cáp Thanh Tùng	1963	Nam	ThS, GVC	ThS	Toán học
8	Bùi Thế Hùng	1980	Nam	TS, GV	TS	Toán học
9	Lê Quang Ninh	1983	Nam	TS, GV	TS	Toán học
10	Phạm Hiến Bằng	1955	Nam	PGS, GVCC	TS	Toán học
11	Trần Đình Hùng	1984	Nam	TS, GV	TS	Toán học
12	Nông Quỳnh Vân	1984	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
13	Nguyễn Văn Trường	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Toán học
14	Lương Thị Hồng Lan	1980	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
15	Ngô Thị Tú Quyên	1978	Nữ	ThS, GVC	ThS	Toán học
16	Lê Bích Liên	1982	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
17	Lưu Phương Thảo	1978	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
18	Trần Nguyên An	1981	Nam	TS, GVC	TS	Toán học
19	Trịnh Thị Diệp Linh	1977	Nữ	TS, GVC	TS	Toán học
20	Cao Thị Hà	1971	Nữ	PGS, GVCC	TS	Toán học
21	Đỗ Thị Trinh	1977	Nữ	TS, GV	TS	Toán học
22	Bùi Thị Hạnh Lâm	1980	Nữ	TS, GVC	TS	Toán học
23	Phan Thị Phương Thảo	1977	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
24	Phạm Văn Tiến	1969	Nam	ThS, GV	ThS	Toán học
25	Trần Huệ Minh	1977	Nữ	TS, GVC	TS	Toán học
26	Dương Quang Hải	1981	Nam	TS, GV	TS	Toán học
27	Nguyễn Văn Ninh	1987	Nam	ThS, GV	ThS	Toán học
28	Nguyễn Mạnh Đức	1958	Nam	TS, GVC	TS	Toán học

29	Trần Ngọc Hà	1984	Nam	ThS, GV	ThS	Toán học
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
31	Nguyễn Văn Thìn	1988	Nam	TS, GV	TS	Toán học
32	Trương Thị Hương	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
33	Trần Đỗ Minh Châu	1981	Nữ	TS, GV	TS	Toán học
34	Trần Nguyệt Anh	1963	Nữ	ThS, GVC	ThS	Toán học
35	Trịnh Thị Phương Thảo	1984	Nữ	TS, GV	TS	Toán học
36	Trần Thị Hồng Minh	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
37	Giáp Văn Sự	1989	Nam	ThS, GV	ThS	Toán học
38	Triệu Hải Long	1988	Nam	TS, GV	TS	Toán học
39	Vũ Đức Quang	1991	Nam	ThS, GV	ThS	Toán học
40	Nguyễn Thị Ánh Hằng	1991	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
41	Hoàng Ngọc Yến	1991	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
42	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1969	Nữ	TS, GVC	TS	Toán học
43	Phạm Thị Thủy	1972	Nữ	TS, GVC	TS	Toán học
Ngành Sư phạm Hóa học						
44	Mai Xuân Trường	1973	Nam	PGS, GVCC	TS	Hóa học
45	Bùi Đức Nguyên	1977	Nam	PGS, GVCC	TS	Hóa học
46	Đỗ Trà Hương	1969	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
47	Vũ Thị Hậu	1976	Nữ	TS, GV	TS	Hóa học
48	Phạm Hồng Chuyên	1978	Nữ	ThS, giáo viên	ThS	Hóa học
49	Phạm Văn Khang	1982	Nam	TS, GV	TS	Hóa học
50	Trần Quốc Toàn	1984	Nam	TS, GV	TS	Hóa học
51	Dương Ngọc Toàn	1983	Nam	TS, GV	TS	Hóa học
52	Đinh Thúy Vân	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Hóa học
53	Nguyễn Thị Hiền Lan	1972	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
54	Nguyễn Văn Trung	1959	Nam	ThS, GVC	ThS	Hóa học
55	Phạm Thị Hà Thanh	1976	Nữ	TS, GV	TS	Hóa học
56	Nguyễn Thị Tô Loan	1981	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
57	Nghiêm Thị Hương	1965	Nữ	ThS, giáo viên	ThS	Hóa học
58	Dương Thị Tú Anh	1970	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
59	Vũ Văn Nhượng	1982	Nam	TS, GV	TS	Hóa học

60	Chu Mạnh Nhượng	1983	Nam	TS,GV	TS	Hóa học
61	Ngô Thị Mai Việt	1979	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
62	Trần Thị Huế	1986	Nữ	ThS, GV	ThS	Hóa học
63	Hoàng Thị Chiên	1960	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
64	Nguyễn Mậu Đức	1983	Nam	TS,GV	TS	Hóa học
65	Lê Huy Hoàng	1985	Nam	ThS, GV	ThS	Hóa học
66	Nguyễn Thị Thanh Hương	1972	Nữ	TS,GV	TS	Hóa học
67	Mai Thanh Nga	1978	Nữ	TS,GV	TS	Hóa học
68	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Nam	TS,GV	TS	Hóa học
69	Nguyễn Thị Thanh Nhân	1980	Nữ	ĐH	ĐH	Hóa học
70	Lê Thị Phương	1984	Nữ	ĐH	ĐH	Hóa học
71	Nguyễn Thị Hân	1984	Nữ	ThS, giáo viên	ThS	Hóa học
	Ngành Sư phạm Vật lý					
72	Đỗ Thùy Chi	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Vật lý
73	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	Nữ	TS, GVC	TS	Vật lý
74	Nguyễn Quang Linh	1982	Nam	TS,GV	TS	Vật lý
75	Đặng Thị Hương	1985	Nữ	ThS, GV	ThS	Vật lý
76	Giáp Thị Thùy Trang	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Vật lý
77	Bùi Xuân Khuyến	1988	Nam	TS,GV	TS	Vật lý
78	Dương Thị Hà	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Vật lý
79	Phạm Hữu Kiên	1980	Nam	PGS, GVCC	TS	Vật lý
80	Nguyễn Hồng Lĩnh	1963	Nam	ThS, GVC	ThS	Vật lý
81	Chu Việt Hà	1982	Nữ	PGS, GVCC	TS	Vật lý
82	Đỗ Thị Huế	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Vật lý
83	Trần Khánh	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
84	Cao Tiến Khoa	1974	Nam	TS,GV	TS	Vật lý
85	Thái Quốc Bảo	1981	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
86	Phan Đình Quang	1969	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
87	Nguyễn Thị Thu Hà	1982	Nữ	TS,GV	T	Vật lý
88	Huỳnh Thị Hồng Sương	1979	Nữ	ThS, GV	ThS	Vật lý

89	Ngô Tuấn Ngọc	1980	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
90	Nguyễn Quang Hải	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
91	Lê Thị Hồng Gấm	1983	Nữ	ThS, GV	ThS	Vật lý
92	Vũ Thị Kim Liên	1958	Nữ	PGS, GVCC	TS	Vật lý
93	Phạm Mai An	1975	Nam	TS, GV	TS	Vật lý
94	Nguyễn Thanh Bình	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
95	Lã Quý Hoãn	1980	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
96	Nguyễn Thị Minh Thủy	1981	Nữ	TS, GV	TS	Vật lý
97	Vương Thị Kim Yên	1965	Nữ	ThS, GV	ThS	Vật lý
98	Khúc Hùng Việt	1985	Nam	ThS, GV	ThS	Vật lý
	Ngành Sư phạm Ngữ văn					
99	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn
100	Nguyễn Thị Nhung	1963	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
101	Nguyễn Thị Hạnh Phương	1976	Nữ	ThS, GVC	ThS	Ngữ văn
102	Lê Thị Hương Giang	1976	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
103	Nguyễn Thu Quỳnh	1983	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn
104	Hồ Thị Phương Trang	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
105	Nguyễn Thị Minh Thu	1981	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
106	Ngô Thị Thanh Quý	1973	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
107	Ngô Thị Thanh Nga	1977	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn
108	Dương Thu Hằng	1978	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
109	Lương Thị Hải Vân	1984	Nữ	TS, GV	TS	Ngữ văn
110	Ngô Thị Thu Trang	1980	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn
111	Trần Thị Nhung	1986	Nữ	TS, GV	TS	Ngữ văn
112	Đặng Quyết Tiến	1961	Nam	ThS, GVC	ThS	Ngữ văn
113	Hoàng Thị Thập	1966	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn
114	Nguyễn Thị Thắm	1979	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn
115	Hoàng Điệp	1976	Nữ	TS, GV	TS	Ngữ văn
116	Cao Thị Hào	1976	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
117	Ngô Thu Thủy	1983	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn

118	Trần Thị Ngọc Anh	1981	Nữ	TS, GV	TS	Ngữ văn
119	Nông Thị Quỳnh Trâm	1982	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
120	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
121	Đào Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
122	Nguyễn Diệu Thương	1986	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
123	Nguyễn Thị Bích	1979	Nữ	TS,G	TS	Ngữ văn
124	Dương Nguyệt Vân	1978	Nữ	TS,GV	TS	Ngữ văn
125	Nguyễn Kiến Thọ	1968	Nam	TS,GV	TS	Ngữ văn
126	Trần Thị Ngọc	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
127	Hoàng Mai Quyên	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
128	Nguyễn Thị Cẩm Anh	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
129	Nguyễn Nhật Huy	1987	Nam	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
130	Phạm Thị Thu Hoài	1986	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
131	Nguyễn Thị Kiều Hương	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
132	Nguyễn Hồng Linh	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
133	Nguyễn Văn Trung	1989	Nam	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
134	Lưu Thu Trang	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
	Ngành Sư phạm Lịch sử					
135	Đỗ Hồng Thái	1962	Nam	PGS, GVCC	TS	Lịch sử
136	Lê Thị Thu Hương	1969	Nữ	ThS, GVC	ThS	Lịch sử
137	Hà Thị Thu Thủy	1975	Nữ	PGS, GVCC	TS	Lịch sử
138	Nguyễn Thị Quế Loan	1971	Nữ	PGS, GVCC	TS	Lịch sử
139	Nguyễn Thị Hải	1983	Nữ	TS,GV	TS	Lịch sử
140	Âu Sơn Hưng	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Lịch sử
141	Nghiêm Thị Hải Yến	1974	Nữ	TS, GVC	TS	Lịch sử
142	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Nữ	TS,GV	TS	Lịch sử
143	Hoàng Xuân Trường	1987	Nam	ThS, G	ThS	Lịch sử
144	Tạ Tương Chân	1958	Nam	ĐH	ĐH	Lịch sử
145	Nguyễn Hà Giang	1982	Nữ	TS,GV	TS	Lịch sử
146	Nguyễn Văn Quyết	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Lịch sử
147	Mai Văn Nam	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Lịch sử
148	Nguyễn Khánh Như	1986	Nữ	TS,GV	TS	Lịch sử

149	Lê Thị Thu Hương	1984	Nữ	TS,GV	TS	Lịch sử
150	Nguyễn Đức Thắng	1984	Nam	TS,GV	TS	Lịch sử
151	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Lịch sử
152	Hoàng Thị Trà Mi	1985	Nữ	ThS, GV	ThS	Lịch sử
153	Nguyễn Thị Hòa	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Lịch sử
154	Nguyễn Thị Trang	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Lịch sử
155	Bùi Huy Nam	1982	Nam	TS,GV	TS	Lịch sử
	Ngành Sư phạm Địa lý					
156	Đỗ Vũ Sơn	1964	Nam	PGS, GVCC	TS	Địa lý
157	Nguyễn Phương Liên	1975	Nữ	PGS, GVCC	TS	Địa lý
158	Nguyễn Thị Hồng	1969	Nữ	PGS, GVCC	TS	Địa lý
159	Phạm Thu Thủy	1983	Nữ	TS,GV	TS	Địa lý
160	Hoàng Thanh Vân	1984	Nữ	TS,GV	TS	Địa lý
161	Phạm Tất Thành	1984	Nam	ThS, GV	ThS	Địa lý
162	Đào Duy Minh	1987	Nam	ThS, GV	ThS	Địa lý
163	Trần Đức Văn	1982	Nam	ThS, GV	ThS	Địa lý
164	Phạm Hương Giang	1984	Nữ	TS,GV	T	Địa lý
165	Vũ Văn Anh	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Địa lý
166	Dương Quỳnh Phương	1974	Nữ	PGS, GVCC	TS	Địa lý
167	Đỗ Văn Hào	1968	Nam	TS, GVC	TS	Địa lý
168	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1975	Nữ	TS,GV	TS	Địa lý
169	Lê Thị Nguyệt	1983	Nữ	TS,GV	TS	Địa lý
170	Nguyễn Văn Sơn	1984	Nam	ThS, GV	ThS	Địa lý
171	Nguyễn Thị Thu Hà	1977	Nữ	ThS, GV	ThS	Địa lý
172	Nguyễn Thanh Mai	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Địa lý
173	Nghiêm Văn Long	1991	Nam	ThS, GV	ThS	Địa lý
174	Nguyễn Thị Nhâm	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Địa lý
175	Nguyễn Thị Huyền	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Địa lý
	Ngành Sư phạm Sinh học					
176	Nguyễn Hữu Quân	1985	Nam	TS,GV	TS	Sinh học
177	Sỹ Danh Thường	1981	Nam	PGS, GVCC	TS	Sinh học

178	Nguyễn Phúc Chinh	1962	Nam	PGS, GVCC	TS	Sinh học
179	Từ Quang Tân	1979	Nam	TS, GVC	TS	Sinh học
180	Lê Ngọc Công	1956	Nam	PGS, GVCC	TS	Sinh học
181	Chu Hoàng Mậu	1958	Nam	GS, GVCC	TS	Sinh học
182	Nguyễn Thị Tâm	1966	Nữ	PGS, GVCC	TS	Sinh học
183	Bành Thị Mai Anh	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Sinh học
184	Nguyễn Thị Thu Nga	1980	Nữ	TS, GVC	TS	Sinh học
185	Phạm Thị Thanh Nhân	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Sinh học
186	Vũ Thị Thu Thủy	1975	Nữ	PGS, GVCC	TS	Sinh học
187	Hoàng Phú Hiệp	1984	Nam	TS, GV	TS	Sinh học
188	Lương Thị Thúy Vân	1978	Nữ	TS, GV	TS	Sinh học
189	Cao Thị Phương Thảo	1969	Nữ	ĐH, giáo viên	ĐH	Sinh học
190	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Nữ	TS, GVC	TS	Sinh học
191	Nguyễn Việt Thắng	1983	Nam	TS, GV	TS	Sinh học
192	Nguyễn Thị Hằng	1976	Nữ	TS, GV	TS	Sinh học
193	Nguyễn Văn Hồng	1958	Nam	PGS, GVCC	TS	Sinh học
194	Hoàng Văn Ngọc	1976	Nam	PGS, GVCC	TS	Sinh học
195	Lê Phương Dung	1985	Nữ	TS, GV	TS	Sinh học
196	Vũ Trọng Lượng	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Sinh học
197	Nguyễn Đức Hùng	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Sinh học
198	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	Nữ	ThS, GVC	ThS	Sinh học
199	Tạ Thị Ngọc Hà	1979	Nữ	ĐH	ĐH	Sinh học
200	Hoàng Thanh Tâm	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Sinh học
201	Từ Quang Trung	1988	Nam	TS, GV	TS	Sinh học
202	Nguyễn Vũ Bảo	1989	Nam	ThS, GV	ThS	Sinh học
203	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Sinh học
204	Phạm Thị Hồng Tú	1973	Nữ	TS, GV	TS	Sinh học
205	Lê Thị Ngọc Thương	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Sinh học
206	Đinh Thị Phượng	1966	Nữ	TS, GVC	TS	Sinh học
207	Nguyễn Thị Hà	1978	Nữ	TS, GV	TS	Sinh học

	Ngành Sư phạm GD chính trị					
208	Đổng Văn Quân	1962	Nam	TS, GVC	TS	GD Chính trị
209	Phạm Thị Huyền	1979	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
210	Nguyễn Hữu Toàn	1979	Nam	TS, GVC	TS	GD Chính trị
211	Nguyễn Văn Tuyên	1969	Nam	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
212	Nguyễn Thị Hường	1975	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
213	Thái Hữu Linh	1988	Nam	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
214	Nguyễn Thị Mão	1974	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
215	Vũ Thúy Hằng	1986	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
216	Trần Thị Lan	1979	Nữ	TS, GV	TS	GD Chính trị
217	Lý Trung Thành	1976	Nam	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
218	Hoàng Thu Thủy	1981	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
219	Nguyễn Tuấn Anh	1980	Nam	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
220	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
221	Vũ Minh Tuyên	1960	Nam	TS, GVC	TS	GD Chính trị
222	Nguyễn Thị Thanh Hà	1981	Nữ	TS, GV	TS	GD Chính trị
223	Ngô Thị Lan Anh	1982	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
224	Nguyễn Thị Khương	1978	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
225	Nguyễn Thị Thu Hiền	1982	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
226	Vũ Thị Thủy	1979	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
227	Nguyễn Mai Anh	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
228	Nguyễn Thị Hoàng Lan	1975	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
229	Nguyễn Thị Hạnh	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
230	Trần Thanh An	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị

231	Trần Thị hằng	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
232	Đoàn Thị Hồng Nhung	1992	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
233	Cao Thùy Linh	1991	Nữ	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
	Ngành Sư phạm Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục					
234	Nguyễn Thị Tính	1964	Nữ	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
235	Nguyễn Thanh Tú	1985	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
236	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	Nữ	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
237	Lê Thùy Linh	1981	Nữ	TS, GVC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
238	Hà Thị Kim Linh	1978	Nữ	TS, GVC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
239	Hoàng Trung Thắng	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
240	Nguyễn Ngọc Hiếu	1981	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
241	Lê Như Hoa	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
242	Nguyễn Thị Chúc	1964	Nữ	ThS, GVC	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
243	Lê Thị Phương Hoa	1976	Nữ	TS, GV	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
244	Phùng Thị Hằng	1962	Nữ	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
245	Phạm Văn Cường	1980	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
246	Phí Thị Hiếu	1978	Nữ	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
247	Đầu Thị Thu	1966	Nữ	ThS, GVC	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
248	Lê Hồng Sơn	1981	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục

249	Nguyễn Thị Ngọc	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
250	Đặng Thị Phương Thảo	1984	Nữ	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
251	Đàm Thị Kim Thu	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
252	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
253	Phạm Hùng Linh	1977	Nam	TS, GV	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
	Ngành Sư phạm GD thể chất					
254	Nguyễn Văn Dũng	1968	Nam	ThS, GVC	ThS	GD thể chất
255	Nguyễn Thành Trung	1980	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
256	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	Nam	TS, GV	TS	GD thể chất
257	Nguyễn Đức Tuấn	1980	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
258	Trần Minh Khương	1976	Nam	ThS, giáo viên	ThS	GD thể chất
259	Đỗ Ngọc Cương	1980	Nam	TS, GV	TS	GD thể chất
260	Đào Thị Hoa Quỳnh	1985	Nữ	TS, GV	TS	GD thể chất
261	Võ Xuân Thủy	1985	Nam	TS, GV	TS	GD thể chất
262	Trương Tấn Hùng	1959	Nam	ThS, GVC	ThS	GD thể chất
263	Ma Đức Tuấn	1984	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
264	Nguyễn Đức Trường	1989	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
265	Hà Quang Tiến	1979	Nam	PGS, GVCC	TS	GD thể chất
266	Trần Thị Tú	1982	Nữ	ThS, GV	ThS	GD thể chất
267	Đào Ngọc Anh	1978	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
268	Nguyễn Nhạc	1988	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
269	Mã Thiêm Phách	1990	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
270	Lê Văn Hùng	1990	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất

271	Nguyễn Duy Nam	1988	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
272	Nguyễn Thị Hà	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	GD thể chất
273	Nguyễn Thị Thanh Vân	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	GD thể chất
274	Nguyễn Huy Ánh	1987	Nam	ĐH, GV	ĐH	GD thể chất
	Ngành Sư phạm GD tiểu học					
275	Lý Văn Hoan	1961	Nam	ThS, GVC	ThS	Tiểu học
276	Vũ Văn Nhân	1959	Nam	ThS, GVC	ThS	Tiểu học
277	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Nữ	TS, GV	TS	Tiểu học
278	Nguyễn Tú Quyên	1980	Nữ	TS, GV	TS	Tiểu học
279	Nông Thị Trang	1980	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiểu học
280	Ngô Gia Võ	1959	Nam	TS, GVC	TS	Tiểu học
281	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Nữ	TS, GVC	TS	Tiểu học
282	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Nữ	TS, GV	TS	Tiểu học
283	Lâm Thùy Dương	1977	Nữ	TS, GVC	TS	Tiểu học
284	Trần Ngọc Bích	1978	Nữ	TS, GVC	TS	Tiểu học
285	Lê Thị Thu Hương	1981	Nữ	TS, GVC	TS	Tiểu học
286	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Nữ	TS, GV	TS	Tiểu học
287	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1981	Nữ	TS, GV	TS	Tiểu học
288	Trần Thị Kim Hoa	1978	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiểu học
289	Nguyễn Mạnh Tiến	1986	Nam	TS, GV	TS	Tiểu học
290	Đoàn Thị Minh Thái	1981	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiểu học
291	Lê Thị Bình	1979	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiểu học
292	Hồ Thị Phương Trang	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
293	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Nữ	TS, GV	TS	Lịch sử
294	Ngô Thị Tú Quyên	1978	Nữ	ThS, GVC	ThS	Toán học
295	Lương Thị Hồng Lan	1980	Nữ	ThS, GV	ThS	Toán học
296	Ngô Thị Mai Việt	1979	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
297	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Nữ	TS, GVC	TS	Sinh học
298	Vũ Trọng Lượng	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Sinh học

299	Nguyễn Đức Hùng	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Sinh học
300	Nguyễn Tuấn Anh	1980	Nam	ThS, GV	ThS	GD Chính trị
301	Phạm Thị Huyền	1979	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
302	Hoàng Thu Thủy	1981	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
303	Nguyễn Thị Khương	1978	Nữ	TS, GVC	TS	GD Chính trị
304	Trần Thị Lan	1979	Nữ	TS, GV	TS	GD Chính trị
305	Lê Thị Phương Hoa	1976	Nữ	TS, GV	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
306	Nguyễn Ngọc Hiếu	1981	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
307	Nguyễn Thị Ngọc	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
308	Trần Duy Vinh	1959	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
309	Dương Thị Lê	1968	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
310	Nguyễn Thanh Tiến	1985	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
311	Phạm Minh Thùy	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
312	Đào Huyền Trang	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
313	Dương Thu Trang	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
314	Phạm Đình Chiến	1962	Nam	ĐH, GV	ĐH	Nghệ thuật
315	Đào Ngọc Anh	1978	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
316	Trần Thị Tú	1982	Nữ	ThS, GV	ThS	GD thể chất
317	Hà Quang Tiến	1979	Nam	PGS, GVCC	TS	GD thể chất
	Ngành Sư phạm GD mầm non					
318	Trần Thị Minh Huệ	1977	Nữ	TS, GV	TS	Mầm non
319	Đinh Đức Hợp	1977	Nam	TS, GV	TS	Mầm non
320	Nguyễn Thị Út Sáu	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Mầm non
321	Hoàng Thị Tú	1968	Nữ	ThS, GVC	ThS	Mầm non
322	Ngô Mạnh Dũng	1984	Nam	ThS, GV	ThS	Mầm non
323	Lê Thị Thương Thương	1984	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
324	Ngô Huyền Nhung	1982	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
325	Vũ Thị Thủy	1986	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
326	Dương Thị Thúy Vinh	1982	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non

327	Nguyễn Thị Hoa	1985	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
328	Lê Thị Thanh Huệ	1985	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
329	Trương Thị Thùy Anh	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
330	Vũ Thị Phương Thảo	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
331	Cao Thị Thu Hoài	1989	Nữ	TS, GV	TS	Mầm non
332	Hồ Thị Mai Phương	1964	Nữ	ThS, GVC	ThS	Mầm non
333	Phạm Thị Hoài Thu	1978	Nữ	ThS, GV	ThS	Mầm non
334	Lê Thị Hương Giang	1976	Nữ	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
335	Phùng Thị Hằng	1962	Nữ	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
336	Đầu Thị Thu	1966	Nữ	ThS, GVC	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
337	Hoàng Trung Thắng	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
338	Nguyễn Thị Hằng	1976	Nữ	TS, GV	TS	Sinh học
339	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Sinh học
340	Từ Quang Trung	1988	Nam	TS, GV	TS	Sinh học
341	Vũ Trọng Lượng	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Sinh học
342	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	Nữ	ThS, GVC	ThS	Sinh học
343	Nguyễn Vũ Bảo	1989	Nam	ThS, GV	ThS	Sinh học
344	Lương Thị Thúy Vân	1978	Nữ	TS, GV	TS	Sinh học
345	Dương Thu Trang	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
346	Dương Thị Lê	1968	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
347	Nguyễn Văn Thiều	1980	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
348	Đào Huyền Trang	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
349	Phạm Minh Thùy	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
350	Nguyễn Thanh Tiến	1985	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
351	Đỗ Thị Linh Chi	1981	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
352	Lê Hồng Sơn	1981	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
353	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
354	Lê Như Hoa	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục

355	Lê Thị Phương Hoa	1976	Nữ	TS,GV	TS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
356	Phạm Văn Cường	1980	Nam	ThS, GV	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
357	Nguyễn Thị Chúc	1964	Nữ	ThS, GVC	ThS	Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Tâm lý học giáo dục
358	Nguyễn Thị Huyền	1990	Nữ	ThS, GV	ThS	Địa lý
359	Phạm Tất Thành	1984	Nam	ThS, GV	ThS	Địa lý
360	Trần Đức Văn	1982	Nam	ThS, GV	ThS	Địa lý
361	Đào Ngọc Anh	1978	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
362	Nguyễn Thành Trung	1980	Nam	ThS, GV	ThS	GD thể chất
363	Nguyễn Văn Quyết	1986	Nam	ThS, GV	ThS	Lịch sử
364	Nguyễn Thu Quỳnh	1983	Nữ	TS, GVC	TS	Ngữ văn
365	Nguyễn Nhật Huy	1987	Nam	ThS, GV	ThS	Ngữ văn
	Giảng viên cơ hữu môn chung (Bộ môn Giáo dục nghệ thuật)					
366	Nguyễn Văn Thiều	1980	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
367	Đỗ Mạnh Hải	1983	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
368	Hồ Thủy Ngân	1985	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
369	Dương Thị Lê	1968	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
370	Trần Duy Vinh	1959	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
371	Nguyễn Thị Thương Huyền	1966	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
372	Phạm Đình Chiến	1962	Nam	ĐH, GV	ĐH	Nghệ thuật
373	Phạm Minh Thùy	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
374	Nguyễn Thanh Tiến	1985	Nam	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
375	Đỗ Thị Linh Chi	1981	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
376	Dương Thu Trang	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
377	Đào Huyền Trang	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Nghệ thuật
	Ngành Sư phạm Tiếng anh					
378	Vũ Đình Bắc	1988	Nam	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
379	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Tiếng anh
380	Mai Văn Cẩn	1968	Nam	ThS, GVC	ThS	Tiếng anh
381	Vì Thị Trung	1969	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh

382	Nguyễn Thị Đoan Trang	1967	Nữ	ThS, GVC	ThS	Tiếng anh
383	Nguyễn Quốc Thủy	1964	Nam	ThS, GVC	ThS	Tiếng anh
384	Dương Công Đạt	1979	Nam	TS, GV	TS	Tiếng anh
385	Ngô Thị Bích Ngọc	1982	Nữ	TS, GV	TS	Tiếng anh
386	Trần Thị Yến	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
387	Nguyễn Thị Hồng chuyên	1981	Nữ	TS, GV	TS	Tiếng anh
388	Lê Thị Thu Hương	1982	Nữ	TS, GVC	TS	Tiếng anh
389	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	1981	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
390	Phạm Thị Kiều Oanh	1987	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
391	Đỗ Thị Ngọc Phương	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
392	Phùng Thị Thanh Tú	1978	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
393	Lưu Thị lan Hương	1988	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
394	Nguyễn Thị Thu Hương	1989	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
395	Trần Thị Thảo	1981	Nữ	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
396	Phan Thanh Hải	1978	Nam	ThS, GV	ThS	Tiếng anh
2	Khối ngành II					
						
3	Khối ngành III					
						
4	Khối ngành IV					
						
5	Khối ngành V					
						
6	Khối ngành VI					
						
7	Khối ngành VII					
						

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	8,922707987
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 11 năm 2018

KT HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính